

ĐÁNH GIÁ SỰ CẢI THIỆN KIẾN THỨC CỦA NÔNG DÂN QUA KHÓA HỌC TẬP HUẤN FFS VỀ TĂNG CƯỜNG KỸ NĂNG CHỌN GIỐNG VÀ SẢN XUẤT GIỐNG CỘNG ĐỒNG TỈNH HẬU GIANG NĂM 2012

Phạm Ngọc Nhân¹, Huỳnh Quang Tín² và Trần Thị Linka³

¹ Khoa Phát triển Nông thôn, Trường Đại học Cần Thơ

² Viện Nghiên cứu Phát triển Đồng bằng Sông Cửu Long, Trường Đại học Cần Thơ

³ Sinh viên Khóa 35, Viện Nghiên cứu Phát triển Đồng bằng Sông Cửu Long, Trường Đại học Cần Thơ

Thông tin chung:

Ngày nhận: 14/06/2013

Ngày chấp nhận: 31/10/2013

Title:

Assessing the improvement of the farmers throughout the FFS training course about strengthening farmer capacity on rice breeding and seed production in Hau Giang province in 2012

Từ khóa:

Cải thiện, tập huấn, lớp học trên đồng ruộng

Keywords:

Improvement, training, FFS

ABSTRACT

The project “Strengthening Farmer-Agricultural Research and Extension System Partnership (FERAS) – Vietnam (2011-2013)” has been put into practice in Hau Giang Province, Vietnam since 2011. The purpose of this activity is to provide the farmers with practical knowledge about the farming – ecology system, how to apply the modern technology in seed selection, approaching to socialize seed selection activities in the local area. In this study, the author focused on farming households that had been attended the Training Workshop of FFS. The study concentrated on examining the modern technology comprehension, improvement and application of the households through the FFS’s training. The result of the study indicated that learners had a big improvement in studying. The proof is that, before attending the course, 100% of learners had weak or average levels; however, after the course, 100% of learners reached good or very good levels. The study also showed that the rates of the amendment of different farmers groups’ knowledge were in correlation. Moreover, it is suggested several directions to improve the comprehension of the knowledge and apply the new technology of the farmers in the surveyed area.

TÓM TẮT

Dự án “Tăng cường hợp tác nông dân trong nghiên cứu nông nghiệp và khuyến nông (Fares) - Việt Nam giai đoạn 2011 – 2013” đã được áp dụng từ năm 2011 tại tỉnh Hậu Giang nhằm cung cấp cho nông dân những kiến thức thực tế về hệ sinh thái đồng ruộng, áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật về chọn tạo giống cây trồng góp phần xã hội hóa công tác giống tại địa phương. Trong nghiên cứu này, tác giả tập trung vào các hộ nông dân sản xuất lúa tham gia khóa tập huấn FFS. Nghiên cứu tập trung giải quyết vấn đề trọng tâm đó là đánh giá sự tiếp thu, mức độ cải thiện và ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật của các hộ nông dân trồng lúa qua khóa tập huấn FFS cho nông dân. Kết quả nghiên cứu cho thấy người học đã có sự cải thiện kiến thức rất đáng kể, kết quả đầu vào có 100% học viên xếp loại trung bình, yếu – kém. Sau khóa học, 100% học viên đã được xếp loại giỏi, khá. Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng mức độ cải thiện kiến thức của các nhóm nông dân khác nhau về trình độ học vẫn là có tương quan với nhau. Nghiên cứu cũng gợi mở một số định hướng nhằm nâng cao sự tiếp thu kiến thức và ứng dụng tiến bộ khoa học của nông dân trên địa bàn nghiên cứu.

1 ĐẶT VẤN ĐỀ

Ở Việt Nam, nông nghiệp là ngành kinh tế có tầm quan trọng trong cơ cấu nền kinh tế quốc dân, đảm bảo an ninh lương thực cho quốc gia, cung cấp cho xã hội nguồn lương thực thực phẩm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, cung cấp nguyên vật liệu cho sản xuất công nghiệp, đồng thời là thị trường lớn tiêu thụ sản phẩm cho công nghiệp và dịch vụ. Để đứng vững trên thị trường sản xuất nông nghiệp, bà con nông dân thực sự có nhu cầu được đào tạo để nâng cao kiến thức chuyên môn, tiếp cận thị trường ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất. Trên thực tế cho thấy, giống trong sản xuất nông nghiệp là vấn đề hết sức quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất. Hiện nay hệ thống cung cấp giống của Nhà nước không đáp ứng đủ nhu cầu giống cho nông dân, khoảng 70% do nông dân tự sản xuất, giữ giống và trao đổi trong cộng đồng. Chất lượng của hạt giống phụ thuộc vào năng lực và kỹ thuật chọn giống của người nông dân.

Hậu Giang là một trong những tỉnh đầu tiên tham gia dự án “Tăng cường hợp tác nông dân trong nghiên cứu nông nghiệp và khuyến nông (Fares) - Việt Nam giai đoạn 2011-2013” với mục tiêu góp phần bổ sung kiến thức và cập nhật những tiến bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến về lĩnh vực chọn tạo giống cây trồng và bảo tồn đa dạng sinh học nông nghiệp hướng đến sản xuất nông nghiệp đa dạng - bền vững trong cộng đồng nông dân, góp phần xã hội hóa công tác giống và tiến tới thương mại hóa giống lúa tại địa phương, đảm bảo an ninh lương thực trong bối cảnh bị ảnh hưởng của Biến đổi khí hậu. Phương pháp học FFS được đưa vào tập huấn trong khóa huấn luyện tăng cường kỹ năng chọn giống và sản xuất giống cộng đồng tại Hậu Giang năm 2012. Mục tiêu của nghiên cứu này là đánh giá mức độ cải thiện kiến thức của người học qua khóa huấn luyện FFS để từ đó có thể tìm các giải pháp nâng cao hiệu quả, khắc phục những nhược điểm cho các chương trình tập huấn trên đối tượng là nông dân.

2 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1 Phương pháp thu thập số liệu

Số liệu thứ cấp của nghiên cứu được thu thập từ các nguồn Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Hậu Giang, Trung tâm khuyến nông tỉnh Hậu Giang và các số liệu ở cấp huyện, cấp xã. Số liệu sơ cấp điều tra thông qua phỏng vấn 71 nông dân tham gia khóa học FFS tăng cường kỹ năng chọn giống và sản xuất giống cộng đồng tại Hậu Giang năm 2012 đại diện cho 3 vùng nghiên cứu, trong đó

bao gồm huyện Phụng Hiệp (n=23 học viên), huyện Châu Thành A (n=23 học viên) và huyện Vị Thủy (n=25 học viên). Tất cả nông dân được phỏng vấn đều tham gia đầy đủ khóa học trong suốt 14 tuần cả vụ, mỗi tuần gặp nhau một lần để thảo luận các chuyên đề được thiết kế trong khóa học như các vấn đề về quản lý đồng ruộng từ đó họ áp dụng vào thực tế trên đồng ruộng của họ.

Vào đầu khóa học, cán bộ nghiên cứu của dự án thực hiện đánh giá kiến thức nông dân tham gia tập huấn qua phiếu kiểm tra đầu khóa bằng bộ câu hỏi gồm 30 câu liên quan đến các lĩnh vực Biến đổi khí hậu và Đa dạng sinh học, chọn giống và sản xuất giống, Hệ thống giống lúa và Chính sách giống. Mỗi học viên sẽ tự thực hiện bài kiểm tra của mình mà không được trao đổi với nhau. Tương tự, với cùng bộ câu hỏi kiểm tra và cách tiến hành, kiểm tra cuối khóa các học viên sau kết thúc khóa tập huấn

Trong từng buổi học, cán bộ nghiên cứu của dự án sẽ đánh giá người học dựa vào các tiêu chí đánh giá trong phiếu “Đánh giá thái độ học tập hàng tuần” để ghi nhận lại thái độ học tập của từng học viên, mức độ tham gia vào các hoạt động của lớp học. Song song đó, học viên cũng sẽ tự đánh về các chuyên đề được thiết kế trong lớp huấn luyện, trợ huấn của từng chuyên đề và khối lượng kiến thức mà học viên được tiếp thu trong quá trình học. Dựa vào các thông tin từ kết quả điều tra cơ bản trên, tác giả đưa vào đánh giá, phân tích mức độ tiếp thu và cải thiện kiến thức của người học qua khóa huấn luyện FFS

Bảng 1: Bảng điều tra phân bố trên từng huyện

Huyện	Xã	Số mẫu
Châu Thành A	Trường Long Tây	23
Phụng Hiệp	Phương Bình	23
Vị Thủy	Vị Tân	25
Tổng		71

2.2 Phương pháp phân tích số liệu

Các dữ liệu được xử lý bằng phần mềm Excel, SPSS 16.0 và tổng hợp phân tích dựa trên các phương pháp thống kê mô tả, thống kê phân tích, phương pháp so sánh và phân tích phương sai Anova, dùng phép thử t-test để thấy được sự thay đổi kiến thức của học viên sau khóa học.

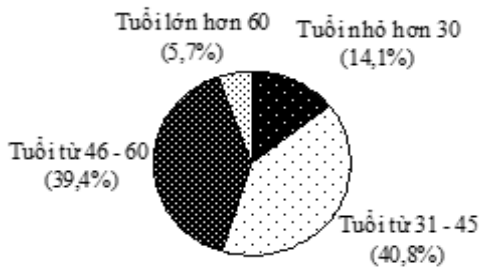
3 KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1 Đặc điểm của học viên tham gia lớp tập huấn

Học viên trong các nhóm tuổi:

Kết quả khảo sát trên 71 học viên tại 03 lớp học cho thấy phần lớn học viên tham gia lớp học ở độ tuổi từ 31-45 (chiếm 40,8%) và tuổi từ 46-60 (chiếm 39,4%). Tuổi trung bình của học viên trong nghiên cứu là: 43,6 tuổi. Trong đó, học viên trong độ tuổi từ 31-45 chiếm tỉ trọng cao nhất. Đây là nhóm tuổi tham gia sản xuất chính trong nông hộ, có những quyết định mạnh dạn hơn trong việc đầu tư, thay đổi sản xuất trong việc phát triển kinh tế hộ (Trương Thị Ngọc Chi và *ctv*, 2012). Ngoài ra, ở độ tuổi này học viên sẽ dễ dàng tiếp thu các kiến thức trong lớp học, năng động, mạnh dạn trao đổi, thảo luận trong các chuyên đề huấn luyện.

Hình 1 cho thấy, độ tuổi nhỏ hơn 30 chiếm tỉ trọng thấp (đạt 14,1%). Điều này cho thấy, lớp tập huấn chưa thu hút được lực lượng trẻ tham gia khóa học.



Hình 1: Nhóm tuổi của học viên tham gia lớp tập huấn FFS tỉnh Hậu Giang, 2012

Nguồn: Kết quả điều tra thực tế 71 học viên tham gia khóa học FFS tại tỉnh Hậu Giang, 2012

Giới tính của học viên:

Kết quả khảo sát cho thấy (Bảng 2), tỉ lệ nam tham gia khóa học chiếm rất cao (97,2%). Kết quả nghiên cứu này cũng phù hợp với tập quán sản xuất nông nghiệp của đồng bằng sông Cửu Long chủ yếu là nam giới tham gia sản xuất và quyết định

các vấn đề về chuyển đổi cơ cấu sản xuất. Nữ giới trong gia đình nông dân chủ yếu là giúp việc nhà, làm nội trợ, chăm sóc con cái. Do tính chất phân công công việc trong gia đình nên phụ nữ có hạn chế nhất định khi tham gia vào sản xuất nông nghiệp.

Bảng 2: Giới tính của học viên tham gia khóa học FFS tại tỉnh Hậu Giang, năm 2012

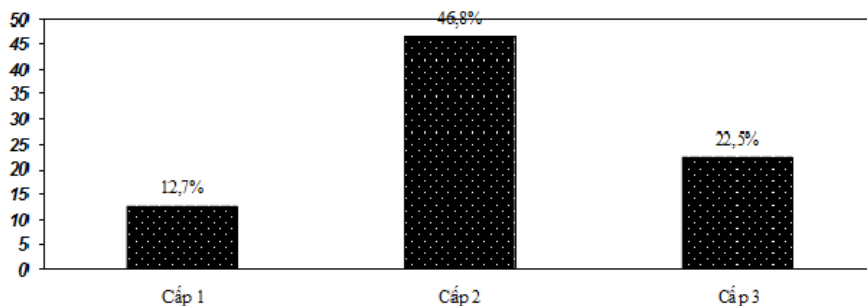
	Số lượng	Tỷ lệ
Nam	69	97,2
Nữ	2	2,8

Nguồn: Kết quả điều tra thực tế 71 học viên tham gia khóa học FFS tại tỉnh Hậu Giang, 2012

Trình độ học vấn của học viên:

Khi xét về trình độ học vấn của học viên thì số người có trình độ cấp 2 chiếm tỉ trọng cao nhất (46,8%), kế đến là cấp 3 (22,5%). Số học viên có trình độ cấp 1 có 9 học viên, chiếm tỉ trọng thấp nhất (12,7%). Quan kết quả phân tích trên cho thấy, trình độ học vấn của học viên tham gia lớp học chưa cao, điều này ảnh hưởng rất lớn đến khả năng tiếp thu kiến thức trong quá trình huấn luyện.

Trình độ học vấn thấp là một rào cản lớn nhất cho việc học tập, ứng dụng khoa học và tham gia phát triển sản xuất trong nông hộ, vì không có trình độ học vấn họ sẽ không biết tính toán để làm gia tăng hiệu quả đồng vốn. Bên cạnh đó, trình độ thấp ít nhiều cũng sẽ ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận khoa học công nghệ tiên tiến. Tuy nhiên, theo kết quả nghiên cứu của Trương Thị Ngọc Chi và *ctv* (2012) lao động trong nhóm nông nghiệp có trình độ học vấn cấp 1 và cấp 2 sẽ thuận lợi cho các chương trình tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật nông nghiệp. Vì vậy, trình độ học vấn của học viên trong khóa học huấn luyện là phù hợp để tiếp cận các kiến thức và ứng dụng tiên bộ khoa học vào sản xuất.



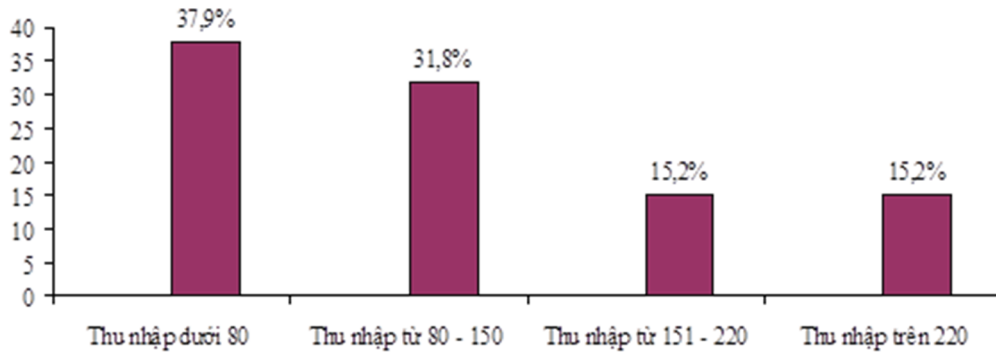
Hình 2: Trình độ học vấn của học viên tham gia khóa học FFS tỉnh Hậu Giang, 2012

Nguồn: Kết quả điều tra thực tế 71 học viên tham gia khóa học FFS tại tỉnh Hậu Giang, 2012

Thu nhập của hộ gia đình:

Kết quả khảo sát cho thấy, tổng thu trung bình/hộ là 145,7 triệu đồng/năm, nhỏ nhất là 20 triệu đồng/năm và lớn nhất là 700 triệu đồng/năm. Từ số liệu thực tế cho thấy, hộ gia đình có thu nhập dưới 80 triệu/năm đạt tỉ trọng cao nhất (37,9%), kế tiếp nhóm hộ có thu nhập từ 80 – 150 triệu (đạt tỉ lệ là 31,8%), hai nhóm thu nhập từ 151 – 220 triệu và

trên 220 triệu có tỉ lệ bằng nhau (15,2%). Để đánh giá kết quả thu nhập của hộ nông dân cần xem xét trên khía cạnh tổng thu từ hoạt động sản nông nghiệp và các hoạt động phi nông nghiệp. Thu nhập của hộ nông dân trên địa bàn nghiên cứu chủ yếu từ việc trồng lúa, sản xuất hoa màu, cây ăn trái, các hoạt động sản xuất này chỉ mang lại thu nhập tương đối cho người nông dân trồng lúa.



Hình 3: Thu nhập bình quân/năm của hộ gia đình học viên tham gia khóa học FFS tại tỉnh Hậu Giang, năm 2012

Nguồn: Kết quả điều tra thực tế 71 học viên tham gia khóa học FFS tại tỉnh Hậu Giang, 2012

Kinh nghiệm sản xuất lúa

Bảng 3: Số năm kinh nghiệm sản xuất lúa của học viên tham gia khóa học FFS tại tỉnh Hậu Giang, năm 2012

Kinh nghiệm sản xuất lúa	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Kinh nghiệm SX lúa dưới 11 năm	53	74,6
Kinh nghiệm SX lúa từ 11 - 20 năm	8	11,3
Kinh nghiệm SX lúa từ 21 - 30 năm	8	11,3
Kinh nghiệm SX lúa trên 30 năm	2	2,8
Tổng	71	100

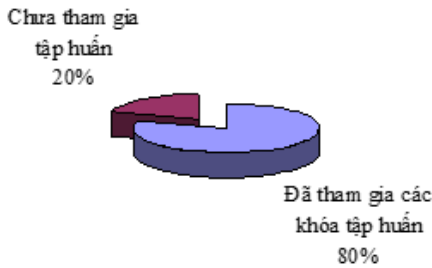
Nguồn: Kết quả điều tra thực tế 71 học viên tham gia khóa học FFS tại tỉnh Hậu Giang, 2012

Kết quả khảo sát cho thấy, số năm kinh nghiệm sản xuất của nông dân tham gia khóa tập huấn cao nhất là 40 năm (có 3 học viên, chiếm 4,2%), thấp nhất là 01 năm (có 02 học viên, chiếm tỉ lệ 2,8%). Số học viên trong nhóm kinh nghiệm sản xuất lúa dưới 11 năm chiếm tỉ trọng cao nhất (chiếm 74,6%), kế tiếp là nhóm học viên có năm kinh nghiệm sản xuất lúa từ 11-20 năm và 21-30 năm có tỉ trọng bằng nhau (chiếm 11,3%), thấp nhất là học viên trong nhóm kinh nghiệm sản xuất lúa trên 30 năm có 02 học viên (chiếm 2,8%). Do số năm kinh nghiệm sản xuất lúa của học viên ở mức tương đối

cao nên thuận lợi cho học viên tham gia thảo luận các chuyên đề liên quan đến kỹ thuật canh tác lúa. Tuy nhiên, nông dân càng có nhiều kinh nghiệm trồng lúa thường bảo thủ, có tập quán sản xuất lâu đời, có xu hướng chậm tiếp thu những tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất. Việc này cũng mang đến những thách thức cho tập huấn viên truyền đạt kiến thức, ứng dụng tiến bộ khoa học trong quá trình tập huấn.

Học viên đã tham gia các lớp tập huấn trước:

Kết quả nghiên cứu cho thấy, nhóm học viên đã tham gia các khóa học tập huấn trước đây như IPM, 3 Giảm - 3 Tăng, 1 Phải - 5 Giảm, VietGap,... đạt tỉ trọng rất cao (chiếm 80,3%), số lượng học viên chưa tham gia tập huấn chiếm tỉ trọng thấp hơn rất nhiều (14,7%). Điều này mang lại nền tảng thuận lợi cho học viên trong khóa học tập huấn, họ dễ dàng nắm bắt các kỹ năng truyền đạt của tập huấn viên, phương pháp học tập trong khóa học lần này. Tuy nhiên, trong khóa học có 14 học viên chưa từng tham gia khóa tập huấn nào, đây cũng là một thách thức cho tập huấn viên xây dựng phương pháp tập huấn sao cho hiệu quả giữa nhóm học viên đã từng được tập huấn và nhóm học viên chưa từng tham gia tập huấn.



Hình 4: Học viên có tham gia các lớp tập huấn trước đây

Nguồn: Kết quả điều tra thực tế 71 học viên tham gia khóa học FFS tại tỉnh Hậu Giang, 2012

3.2 Kết quả kiểm tra đầu khóa - cuối khóa học

Kết quả kiểm tra đầu khóa học

Đánh giá kết quả đầu khóa - cuối khóa học là công cụ đánh giá quan trọng chỉ ra sự cải thiện kiến thức của học viên tham gia khóa huấn luyện. Kết quả nghiên cứu cho thấy, xếp loại kết quả kiểm tra đầu khóa học, các học viên chỉ đạt trình độ trung bình (87,3%) và Yếu - Kém (12,7%), không có học viên được xếp loại khá, giỏi ở đầu khóa học. Kết quả này cho thấy, kiến thức về sản xuất lúa, sản xuất giống, các kiến thức về tác động của biến đổi khí hậu,... của các học viên tham gia khóa học chưa cao hoặc còn hiểu sai, hiểu nhầm.

Tuy nhiên, kết quả kiểm tra cuối khóa học có tỉ lệ học viên xếp loại Khá - Giỏi đạt 100%, trong đó học viên được xếp loại giỏi đạt 16,9%, học viên xếp loại khá đạt 83,1%. Điều này chứng tỏ, qua quá trình huấn luyện, học viên đã có sự thay đổi kiến thức về sản xuất lúa, sản xuất lúa giống,...

Bảng 4: Xếp loại kết quả kiểm tra đầu khóa – cuối khóa của học viên tham gia lớp tập huấn FFS tại tỉnh Hậu Giang, 2012

Xếp loại kết quả kiểm tra	Đầu khóa học	Cuối khóa học
Giỏi		16,9
Khá		83,1
Trung bình	87,3	
Yếu - Kém	12,7	

Nguồn: Kết quả điều tra thực tế 71 học viên tham gia khóa học FFS tại tỉnh Hậu Giang, 2012

Phân tích kết quả theo từng địa bàn nghiên cứu

Từ kết quả phân tích theo từng vùng nghiên cứu, ta thấy mức độ cải thiện kiến thức của học viên có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở từng vùng nghiên cứu với sự khác biệt ở mức ý nghĩa

1%. Kết quả từ Bảng 5, mức độ tăng trung bình cải thiện kiến thức của học viên tham gia khóa học ở huyện Phụng Hiệp là cao nhất 51%, kể đến là huyện Châu Thành A (47.6%) và thấp nhất là huyện Vị Thủy (44.3%). Kết quả điều tra hiện trạng ứng dụng khoa học kỹ thuật vào canh tác lúa cho thấy huyện Phụng Hiệp là nơi được ứng dụng các kỹ thuật tiên tiến trong sản xuất tốt hơn 2 huyện còn lại trong nghiên cứu nên học viên trên địa bàn nghiên cứu này dễ dàng tiếp cận các kiến thức trong lớp học so với những học viên ở huyện Châu Thành A và Vị Thủy.

Bảng 5: Kết quả xếp loại học viên đầu khóa – cuối khóa học tập huấn theo vùng nghiên cứu

	Phụng Hiệp (n = 23)	Châu Thành A (n = 23)	Vị Thủy (n = 25)	Tổng (n = 71)
Đầu khóa	32,8	34,0	38,5	35,2
Cuối khóa	83,8	81,6	82,8	82,7
Cải thiện	51,0	47,6	44,3	47,5
T – giá trị	**	**	**	**

Nguồn: Kết quả điều tra thực tế 71 học viên tham gia khóa học FFS tại tỉnh Hậu Giang, 2012

** : khác biệt có ý nghĩa ở mức 1%

Kết quả cải thiện kiến thức theo trình độ học vấn

Bảng 6 cho thấy, kết quả kiểm tra đầu khóa có 09 học viên có trình độ học vấn cấp 1 xếp loại Yếu - Kém, sau khóa huấn luyện 09 học viên này đều được xếp loại khá, giỏi, trong đó giỏi có 7 học viên (77,8%) và khá có 2 học viên (22,8%).

Tương tự, khi xét nhóm học viên có trình độ học vấn cấp 2, kết quả kiểm tra đầu khóa có 80,4% học viên đạt ở mức Yếu - Kém, 19,6% học viên đạt mức trung bình nhưng kết quả kiểm tra cuối khóa có 41 học viên (89,1%) đạt loại giỏi, 5 học viên (10,9%) đạt mức khá.

Nhóm học viên có trình độ học vấn cấp 3, kết quả cải thiện kiến thức rất đáng kể. Kết quả kiểm tra đầu khóa, 100% học viên trong nhóm học vấn này xếp loại Yếu – Kém nhưng kết quả kiểm tra vào cuối khóa học có tỉ lệ đạt loại giỏi chiếm 68,7%, 31,3% đạt mức Khá. Trong 31,3% học viên có mức độ cải thiện khá là do trong quá trình học có tỷ lệ vắng mặt cao nên có sự gián đoạn trong tiếp thu kiến thức trong lớp học.

Từ kết quả nghiên cứu trên cho thấy mức độ cải thiện kiến thức có xu hướng tăng khi trình độ học vấn của học viên tăng.

Bảng 6: Kết quả xếp loại học viên đầu khóa - cuối khóa tập huấn theo trình độ học vấn

Trình độ học vấn	Xếp loại đầu khóa		Xếp loại cuối khóa	
	Trung bình	Yếu - Kém	Giỏi	Khá
Cấp 1 (n=9)	0	9 (100%)	7 (77,8%)	2 (22,8%)
Cấp 2 (n=46)	9 (19,6%)	37 (80,4%)	41 (89,1%)	5 (10,9%)
Cấp 3 (n=16)	0	16 (100%)	11 (68,7%)	5 (31,3%)

Nguồn: Kết quả điều tra thực tế 71 học viên tham gia khóa học FFS tại tỉnh Hậu Giang, 2012

3.3 Mức độ tiếp thu và ứng dụng KHKT của học viên trong quá trình tập huấn

Mức độ tiếp thu của học viên:

Mức độ tiếp thu của học viên được thể hiện trên Bảng 7, kết quả khảo sát có 92,8% học viên tự tin đánh giá mình có thể tiếp thu các chuyên đề huấn luyện trong khóa học ở mức 1 (mức độ hiểu nhiều), trong đó chuyên đề được đánh giá hiểu nhiều nhất là Kiểm tra sức sống hạt giống và Kỹ thuật làm mạ và ngâm ủ hạt giống (97,9% đánh giá mức 1). Hai

chuyên đề này có lượng kiến thức tương đối căn bản, phù hợp với kinh nghiệm sản xuất lúa của học viên tham gia tập huấn. Bên cạnh đó, chuyên đề Biến đổi khí hậu và bảo tồn đa dạng sinh học được học viên đánh giá là mức độ không hiểu nhiều với tỉ lệ 25,5%, do đây là chuyên đề còn mới với học viên, hơn nữa các tài liệu về chuyên đề này không có nhiều, học viên là đối tượng nông dân có trình độ học vấn tương đối thấp, khó tiếp thu từ những kiến thức lý thuyết.

Bảng 7: Đánh giá mức độ tiếp thu của học viên tham gia khóa học tập huấn

TT	Các chuyên đề	Mức độ đánh giá (%)		
		1	2	3
1	Các nghiên cứu đồng ruộng tại cộng đồng	81,5	18,5	0
2	Chính sách giống cây trồng - Việt Nam	92,9	7,1	0
3	Biến đổi khí hậu và bảo tồn đa dạng sinh học	74,5	25,5	0
4	Vai trò của giới trong sản xuất nông nghiệp	93,2	6,8	0
5	Kiểm tra sức sống hạt giống	97,9	2,1	0
6	Kỹ thuật làm mạ và ngâm ủ hạt giống	97,9	2,1	0
7	Kỹ thuật làm đất - thiết kế ruộng giống, cây thí nghiệm	97,1	2,9	0
8	Các giai đoạn sinh trưởng của cây lúa và Kỹ thuật tăng năng suất	96,9	3,1	0
9	Phòng trừ sâu - bệnh hại chính trên lúa và bệnh truyền qua hạt giống	96,9	3,1	0
10	Khử lẫn ruộng sản xuất hạt giống	96,2	3,8	0
11	Phương pháp và Kỹ thuật lai lúa	94,2	5,8	0
12	PP. chọn giống lúa mới từ thể hệ phân ly và qui trình công nhận giống	92,7	7,3	0
13	Phục tráng giống lúa	94,2	5,8	0
14	Xử lý hạt giống sau thu hoạch	93,4	6,6	0
Trung bình		92,8	7,2	0

Nguồn: Kết quả điều tra thực tế 71 học viên tham gia khóa học FFS tại tỉnh Hậu Giang, 2012

Ghi chú: 1: Hiểu nhiều; 2: Không hiểu nhiều; 3: Khó hiểu

Khả năng ứng dụng thực tế:

Kết quả nghiên cứu sau khóa huấn luyện cho thấy, hầu hết các chuyên đề được học viên đánh giá là có khả năng ứng dụng vào thực tế với mức độ có thể áp dụng được, đạt tỉ lệ trung bình 97,2 %. Trong đó, học viên tự tin hoàn toàn có thể ứng dụng 100% vào thực tế với các chuyên đề như Vai trò của giới trong sản xuất nông nghiệp, Kiểm tra

sức sống hạt giống, Kỹ thuật làm mạ và ngâm ủ hạt giống, Kỹ thuật làm đất - thiết kế ruộng giống, cây thí nghiệm, Khử lẫn ruộng sản xuất hạt giống và PP. chọn giống lúa mới từ thể hệ phân ly và qui trình công nhận giống. Kết quả nghiên cứu này đã tạo nền tảng cho việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp trên địa bàn nghiên cứu.

Bảng 8: Đánh giá khả năng ứng dụng thực tế của các chuyên đề trong khóa học tập huấn

TT	Các chuyên đề	Mức độ đánh giá (%)	
		1	2
1	Các nghiên cứu đồng ruộng tại cộng đồng	93,8	6,2
2	Chính sách giống cây trồng - Việt Nam	89,7	10,3
3	Biến đổi khí hậu và bảo tồn đa dạng sinh học	88,5	11,5
4	Vai trò của giới trong sản xuất nông nghiệp	100	0
5	Kiểm tra sức sống hạt giống	100	0
6	Kỹ thuật làm mạ và ngâm ủ hạt giống	100	0
7	Kỹ thuật làm đất - thiết kế ruộng giống, cây thí nghiệm	100	0
8	Các giai đoạn sinh trưởng của cây lúa và Kỹ thuật tăng năng suất	98,6	1,4
9	Phòng trừ sâu - bệnh hại chính trên lúa và bệnh truyền qua hạt giống	98,6	1,4
10	Khử lẫn ruộng sản xuất hạt giống	100	0
11	Phương pháp và Kỹ thuật lai lúa*	100	0
12	PP. chọn giống lúa mới từ thể hệ phân ly và qui trình công nhận giống	100	0
13	Phục tráng giống lúa*	98,5	1,5
14	Xử lý hạt giống sau thu hoạch	93,7	6,3
Trung bình		97,2	2,8

Ghi chú: 1: Có thể áp dụng; 2: Không thể áp dụng.

Nguồn: Kết quả điều tra thực tế 71 học viên tham gia khóa học FFS tại tỉnh Hậu Giang, 2012

Mức độ khuyến nông của học viên:

Kết quả nghiên cứu trên Bảng 9 cho thấy, học viên cho rằng họ có thể truyền đạt lại kiến thức đã được huấn luyện cho những nông dân khác qua một số chuyên đề (85,1% đánh giá mức 1). Tuy nhiên, vẫn còn một số chuyên đề học viên chưa tự tin để truyền đạt kiến thức cho người khác như chuyên đề Chính sách giống cây trồng - Việt Nam (17,5% đánh giá mức 2 và 9,2% đánh giá mức 3), chuyên đề Biến đổi khí hậu và bảo tồn đa dạng sinh

học (20,2% đánh giá mức 2 và 7,7% đánh giá mức 3). Do đây là những chuyên đề còn khá mới so với học viên, trong quá trình tập huấn, kiến thức được truyền đạt chưa được học viên quan tâm cao, học viên còn thụ động trong việc thảo luận, xây dựng kiến thức trong lớp học. Bên cạnh đó, một số học viên còn thụ động, chưa có kỹ năng hướng dẫn hoặc truyền đạt kiến thức cho người khác, vì vậy họ chưa tự tin với việc truyền đạt những gì họ đã được tập huấn.

Bảng 9: Đánh giá mức độ khuyến nông của học viên đối với từng chuyên đề trong khóa học tập huấn

TT	Các chuyên đề	Mức độ đánh giá (%)		
		1	2	3
1	Các nghiên cứu đồng ruộng tại cộng đồng	86,6	13,4	0
2	Chính sách giống cây trồng - Việt Nam	73,3	17,5	9,2
3	Biến đổi khí hậu và bảo tồn đa dạng sinh học	72,1	20,2	7,7
4	Vai trò của giới trong sản xuất nông nghiệp	77,4	16,4	6,2
5	Kiểm tra sức sống hạt giống	86,0	13,96	0
6	Kỹ thuật làm mạ và ngâm ủ hạt giống	79,4	16,2	4,4
7	Kỹ thuật làm đất - thiết kế ruộng giống, cây thí nghiệm	86,0	14,0	0
8	Các giai đoạn sinh trưởng của cây lúa và Kỹ thuật tăng năng suất	81,5	10,8	7,7
9	Phòng trừ sâu - bệnh hại chính trên lúa và bệnh truyền qua hạt giống	78,5	13,9	7,6
10	Khử lẫn ruộng sản xuất hạt giống	83,9	11,5	4,6
11	Phương pháp và Kỹ thuật lai lúa*	78,6	18,6	2,8
12	PP. chọn giống lúa mới từ thể hệ phân ly và qui trình công nhận giống	78,3	20,3	1,4
13	Phục tráng giống lúa*	78,3	18,8	2,9
14	Xử lý hạt giống sau thu hoạch	88,8	11,2	0
Trung bình		85,1	11,2	4,7

Nguồn: Kết quả điều tra thực tế 71 học viên tham gia khóa học FFS tại tỉnh Hậu Giang, 2012

Đánh giá các chuyên đề tập huấn:

Chuyên đề tập huấn được quan tâm:

Các chuyên đề được thiết kế tập huấn trong lớp học được học viên đánh giá là rất cần thiết. Mặc dù, có những chuyên đề như PP. chọn giống lúa mới từ thể hệ phân ly và qui trình công nhận giống, Biến đổi khí hậu và bảo tồn đa dạng sinh học: tỷ lệ kiến thức khá cao nhưng không yêu cầu học viên phải nắm bắt hết tất cả các kiến thức của chuyên đề. Qua các chuyên đề này, học viên tự đánh giá học có khả năng tiếp thu các kiến thức cơ bản để ứng dụng vào thực tế hoặc truyền đạt lại cho người khác.

Qua khảo sát ý kiến của học viên vào cuối khóa huấn luyện về chuyên đề mà mỗi học viên quan tâm nhất, kết quả khảo sát cho thấy có 2 chuyên đề được học viên quan tâm nhất là: Phục tráng giống và Lai tạo giống lúa.

– Phục tráng giống: Qua khóa huấn luyện, học viên bước đầu tìm hiểu và nhận thấy được tầm quan trọng của giống trong sản xuất. Phục tráng giống là phương pháp chọn giống bằng cách khôi phục lại đặc tính gốc của giống lúa thích nghi tại địa phương đã bị thoái hóa sau nhiều năm sản xuất. Trước khi tham gia tập huấn, số học viên biết kỹ thuật này rất ít chỉ 26,8% (19/71 học viên) nhưng đến kết quả cuối khóa thì đã có 94,4% học viên biết được phương pháp này. Trong quá trình huấn

luyện về chuyên đề này, học viên đã biết thêm về cách chọn âm, chọn dương và chọn dòng thuần. Từ nội dung của chuyên đề, đa số các học viên đều cho rằng rất cần hướng dẫn phương pháp này cho nông dân.

– Lai tạo giống lúa: Lai tạo giống lúa là một chuyên đề khó, đòi hỏi học viên nắm vững nhiều kiến thức về đặc điểm sinh học của cây lúa, các dòng phân ly, các kỹ thuật lai tạo,... Tuy nhiên, qua kết quả khảo sát, học viên cho rằng họ cảm thấy hứng thú và tâm đắc với chuyên đề này vì đây là chuyên đề quan trọng giúp học viên áp dụng vào thực tế và sản xuất các giống lúa mới theo ý muốn của người nông dân.

Tính cần thiết của các chuyên đề:

Kết quả khảo sát tính cần thiết của các chuyên đề trong khóa huấn luyện trên Bảng 10 cho thấy, tất cả các chuyên đề được thiết kế đưa vào khóa học được học viên chấp nhận và đánh giá tính cần thiết của chuyên đề rất cao, mức độ đánh giá trung bình của các chuyên đề đạt 94,2%, trong đó chuyên đề xử lý giống sau thu hoạch được học viên đánh giá mức độ cần thiết rất cao (98,9%), chuyên đề có mức độ đánh giá tính cần thiết thấp nhất là Biến đổi khí hậu và bảo tồn đa dạng sinh học (68,8%) do học viên chưa thấy được tầm quan trọng của biến đổi khí hậu tác động đến đời sống và sản xuất nông nghiệp của họ.

Bảng 10: Đánh giá tính cần thiết của các chuyên đề được thiết kế trong khóa tập huấn

TT	Các chuyên đề	Mức độ đánh giá (%)		
		1	2	3
1	Các nghiên cứu đồng ruộng tại cộng đồng	98,3	1,7	0
2	Chính sách giống cây trồng - Việt Nam	98,6	1,4	0
3	Biến đổi khí hậu và bảo tồn đa dạng sinh học	68,8	31,2	0
4	Vai trò của giới trong sản xuất nông nghiệp	94,6	3,8	1,6
5	Kiểm tra sức sống hạt giống	98,5	1,5	0
6	Kỹ thuật làm mạ và ngâm ủ hạt giống	89,7	10,3	0
7	Kỹ thuật làm đất - thiết kế ruộng giống, cây thí nghiệm	89,7	10,3	0
8	Các giai đoạn sinh trưởng của cây lúa và Kỹ thuật tăng năng suất	98,4	1,6	0
9	Phòng trừ sâu - bệnh hại chính trên lúa và bệnh truyền qua hạt giống	98,4	1,6	0
10	Khử lẫn ruộng sản xuất hạt giống	98,8	1,2	0
11	Phương pháp và Kỹ thuật lai lúa*	94,2	5,7	0
12	PP. chọn giống lúa mới từ thể hệ phân ly và qui trình công nhận giống	95,6	4,4	0
13	Phục tráng giống lúa*	95,6	4,4	0
14	Xử lý hạt giống sau thu hoạch	98,9	1,1	0
Trung bình		94,2	5,7	0,1

Ghi chú: 1: Rất cần thiết; 2: Cần thiết ở mức trung bình; 3: Không cần thiết

Nguồn: Kết quả điều tra thực tế 71 học viên tham gia khóa học FFS tại tỉnh Hậu Giang, 2012

Trợ huấn cụ trong tập huấn:

Kết quả khảo sát ý kiến của học viên sau khóa học trên Bảng 11 cho thấy, mức độ đánh giá về việc chuẩn bị trợ huấn cụ để phục vụ cho các chuyên đề huấn luyện được học viên đánh giá với mức độ rất tốt (mức 1) đạt tỉ lệ trung bình là

83,6%, các chuyên đề về Biến đổi khí hậu và bảo tồn đa dạng sinh học, phương pháp và kỹ thuật lai lúa vẫn còn học viên đánh giá ở mức kém (mức 3). Học viên cho rằng, đối với các chuyên đề này, cần chuẩn bị thêm các tài liệu như hình vẽ, hình ảnh minh họa, như vậy học viên sẽ dễ dàng tiếp thu kiến thức hơn.

Bảng 11: Đánh giá mức độ sử dụng trợ huấn cụ của giảng viên trong khóa học tập huấn

TT	Các chuyên đề	Mức độ đánh giá (%)		
		1	2	3
1	Các nghiên cứu đồng ruộng tại cộng đồng	85,4	14,6	0
2	Chính sách giống cây trồng - Việt Nam	74,2	25,8	0
3	Biến đổi khí hậu và bảo tồn đa dạng sinh học	62,8	23,3	13,9
4	Vai trò của giới trong sản xuất nông nghiệp	83,1	16,9	0
5	Kiểm tra sức sống hạt giống	79,8	20,2	0
6	Kỹ thuật làm mạ và ngâm ủ hạt giống	89,7	10,3	0
7	Kỹ thuật làm đất - thiết kế ruộng giống, cây thí nghiệm	89,7	10,3	0
8	Các giai đoạn sinh trưởng của cây lúa và Kỹ thuật tăng năng suất	98,4	1,6	0
9	Phòng trừ sâu - bệnh hại chính trên lúa và bệnh truyền qua hạt giống	98,4	1,6	0
10	Khử lẫn ruộng sản xuất hạt giống	84,1	15,9	0
11	Phương pháp và Kỹ thuật lai lúa	85,7	11,4	2,9
12	PP. chọn giống lúa mới từ thể hệ phân ly và qui trình công nhận giống	84,1	15,9	0
13	Phục tráng giống lúa	76,8	23,2	0
14	Xử lý hạt giống sau thu hoạch	78,5	21,5	0
Trung bình		83,6	15,2	1,2

Ghi chú: 1: Rất tốt; 2: Tương đối tốt; 3: Kém

Nguồn: Kết quả điều tra thực tế 71 học viên tham gia khóa học FFS tại tỉnh Hậu Giang, 2012

4 KẾT LUẬN

Qua quá trình khảo sát và phân tích cho thấy, học viên tham gia khóa học tập huấn FFS có mức độ tiếp thu và cải thiện kiến thức rất đáng kể. Mức độ cải thiện kiến thức của nhóm học viên có trình độ khác nhau là có tương quan với nhau. Học viên tự tin áp dụng các kiến thức đã học vào thực tế và truyền đạt đến người khác. Tính cần thiết của từng chuyên đề trong khóa học tập huấn được học viên đánh giá rất cao, song chuyên đề Biến đổi khí hậu và bảo tồn đa dạng sinh học được học viên cho rằng chưa thật sự cần thiết đối với họ. Trợ huấn cụ được giảng viên sử dụng trong quá trình huấn luyện được học viên đánh giá rất tốt. Để lớp tập huấn đạt được kết quả tốt hơn trong thời gian tới, lớp học FFS nên đảm bảo xây dựng mô hình trình diễn tốt hơn để nâng cao hiệu quả cũng như chất lượng của lớp học, từ đó giúp tăng thêm niềm tin của học viên và tránh được rủi ro khi nhân rộng mô hình. Bên cạnh việc tập huấn về kỹ thuật sản xuất và chọn tạo giống lúa, lớp học cần bổ sung các kiến thức về thông tin thị trường, các chính sách đến

học viên. Kết quả nghiên cứu là rất cần thiết cho ngành nông nghiệp tỉnh Hậu Giang tham khảo xây dựng chương trình tập huấn trong sản xuất giống lúa nói riêng, sản xuất nông nghiệp nói chung nhằm nâng cao chất lượng các chương trình tập huấn, đẩy mạnh việc triển khai ứng dụng các tiên bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất hiệu quả hơn.

LỜI CẢM TẠ

Chúng tôi gửi lời cảm ơn đến Sở Khoa học Công nghệ tỉnh Hậu Giang, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Hậu Giang cùng các cán bộ khuyến nông tỉnh, huyện trên địa bàn nghiên cứu đã tạo điều kiện, hỗ trợ kinh phí cho nghiên cứu này được thực hiện, trong khuôn khổ đề tài cao học của học viên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Huynh Quang Tin, 2009. *Impacts of famer - Based training in seed production in Vietnam*. PhD Thesis. The University of Wageningen, Wageningen, the Netherlands.

2. Thị Kiều Na, 2010. *Đánh giá sự cải thiện kiến thức của nông dân tham gia khóa huấn luyện chọn giống thích ứng Biến đổi khí hậu xã Tân Lộc huyện Thới Bình tỉnh Cà Mau năm 2010*. Luận văn tốt nghiệp Đại học. Trường Đại học Cần Thơ.
3. Trương Thị Ngọc Chi và ctv, 2012. *Đánh giá lực lượng lao động nông thôn và đề xuất giải pháp đào tạo nghề cho lao động nông thôn Thành phố Cần Thơ*. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh, 232 trang.
4. UBND Tỉnh Hậu Giang, 2011. *Tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2011, phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2012*. UBND tỉnh Hậu Giang, Hậu Giang, 31 trang.
5. Võ Thị Thanh Lộc, 2007. *Sách hướng dẫn phương pháp viết đề cương nghiên cứu khoa học*. Viện Nghiên cứu & Phát triển Đồng bằng sông Cửu Long. Trường Đại học Cần Thơ.